



Nhu cầu học và sử dụng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Luu Thị Như Ngọc¹, Triệu Ngọc Kim Ngân¹, Hồ Nguyễn Tố Như¹,
Trịnh Xuân Thủy¹, Nguyễn Văn Tuấn¹, Nguyễn Việt Phương¹
¹Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng nhu cầu học và khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên điều dưỡng tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành trên 168 sinh viên điều dưỡng đã hoàn thành ít nhất 01 học phần tiếng Anh chuyên ngành, sử dụng bộ công cụ tự điền gồm 27 câu hỏi về nhu cầu học và sử dụng tiếng Anh chuyên ngành trong thời gian từ tháng 11/2024 đến tháng 02/2025. **Kết quả:** Điểm trung bình về nhu cầu học tập, mục tiêu và động lực học, khả năng sử dụng và các rào cản trong việc học tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên điều dưỡng, theo thang điểm 5, lần lượt là $4,09 \pm 0,49$; $4,07 \pm 0,54$; $2,89 \pm 0,82$ và $3,72 \pm 0,59$ điểm. **Kết luận:** Sinh viên điều dưỡng có nhu cầu và động lực cao trong việc học tiếng Anh chuyên ngành, nhưng khả năng sử dụng còn hạn chế, chủ yếu do các trở ngại đáng ghi nhận trong quá trình học tập. Nhà trường nên xây dựng các giải pháp hỗ trợ hiệu quả để tăng cường khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành, giảm bớt các trở ngại để đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của sinh viên điều dưỡng.

Từ khóa: Tiếng Anh chuyên ngành, nhu cầu học tập, sinh viên điều dưỡng

Exploring the need and use of english for specific purposes among nursing students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Luu Thị Như Ngọc¹, Trieu Ngoc Kim Ngan¹, Ho Nguyen To Nhu¹,
Trinh Xuan Thuy¹, Nguyen Van Tuan¹, Nguyen Viet Phuong¹
¹Can Tho University of Medicine and Pharmacy

ABSTRACT

Objectives: To describe the current status of the need to learn and use English for Specific Purposes (ESP) among nursing students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy. **Materials and method:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 168 nursing students who had completed at least one module of ESP. The study utilized a self-administered questionnaire consisting of 27 items to assess the needs for learning and using ESP, carried out from November 2024 to February 2025. **Results:** The mean scores for learning needs, learning objectives and motivation, ability to use ESP, and barriers to learning ESP, were 4.12 ± 0.73 , 4.07 ± 0.54 , 2.89 ± 0.82 , and 3.72 ± 0.59 out of 5, respectively. **Conclusion:** Nursing students exhibited a high level of need and motivation to learn ESP; however, their ability to use it remained limited, primarily due to significant barriers encountered during the learning process. The university should have developed effective support strategies to enhance students' ESP proficiency, reduce obstacles, and meet their increasing learning demands.

Keywords: English for Specific Purposes, the need to learn, nursing students.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tổ chức Y Tế thế giới (World Health Organization: WHO) nhận định vai trò của điều dưỡng trong hệ thống y tế toàn cầu là “quan trọng trong chăm sóc sức khỏe và thường là những anh hùng thầm lặng trong các cơ sở chăm sóc sức khỏe và ứng phó khẩn cấp. Ở nhiều quốc gia, điều dưỡng chiếm một nửa số chuyên gia chăm sóc sức khỏe và có vai trò quan trọng trong cách thức tổ chức và áp dụng các hoạt động chăm sóc sức khỏe, cả ở tuyến đầu và cấp quản lý”¹, “điều dưỡng không chỉ cung cấp dịch vụ chăm sóc thiết yếu mà còn góp phần định hình chính sách y tế, thúc đẩy chăm sóc sức khỏe ban đầu và duy trì tính bền vững của hệ thống y tế”². Sự phát triển của xã hội, cùng với dân số ngày càng gia tăng và già hóa, kèm theo các thách thức sức khỏe toàn cầu, đã làm gia tăng nhu cầu nhân lực điều dưỡng³. Tại hội nghị khoa học điều dưỡng toàn quốc lần thứ 11, Bộ Y tế nhận định điều dưỡng đóng vai trò thiết yếu trong việc chăm sóc, điều trị và hỗ trợ bệnh nhân, tuy nhiên nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng dẫn đến tình trạng thiếu hụt nhân lực điều dưỡng⁴. Theo ước tính, thế giới cần khoảng 29 triệu điều dưỡng, trong khi theo cảnh báo của WHO, đến năm 2030 ngành này có thể đối mặt với sự thiếu hụt lên đến 4,5 triệu nhân sự². Thực trạng này không chỉ mở ra cơ hội việc làm trong nước và quốc tế mà còn đặt ra yêu cầu cao về năng lực chuyên môn và kỹ năng ngôn ngữ, đặc biệt là tiếng Anh cho điều dưỡng viên. Tại bệnh viện, điều dưỡng dành nhiều thời gian chăm sóc bệnh nhân và thường là người đầu tiên bệnh nhân tìm đến khi cần hỗ trợ. Nghiên cứu của Po-Yin Yen và cộng sự (2018) cho thấy điều dưỡng dành 35% thời gian trong phòng bệnh nhân, trung bình 29,99 phút mỗi 4 giờ để giao tiếp với bệnh nhân⁵. Có thể nói, điều dưỡng là một nghề đòi hỏi nhiều năng lực lâm sàng

chuyên môn hóa và kỹ năng giao tiếp nâng cao⁶. Vì vậy, thành thạo tiếng Anh giúp điều dưỡng tiếp cận tiến bộ y khoa quốc tế, đáp ứng yêu cầu tuyển dụng trong và ngoài nước, đồng thời giao tiếp hiệu quả với bệnh nhân đa ngôn ngữ. Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh là yếu tố then chốt để truyền đạt chính xác các thông tin y khoa đến bệnh nhân một cách dễ hiểu.

Từ thực tế trên, tiếng Anh chuyên ngành (TACN) ngày càng được chú trọng trong đào tạo ngành điều dưỡng từ bậc đại học. Đánh giá nhu cầu học và sử dụng TACN của sinh viên điều dưỡng giúp xác định điểm mạnh và hạn chế trong chương trình giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo và chuẩn bị năng lực ngôn ngữ cho nghề nghiệp tương lai. Nhận thức tầm quan trọng này, nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài nhằm: *Mô tả thực trạng nhu cầu học và sử dụng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.*

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu:

Sinh viên điều dưỡng (SVĐD) khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật Y học, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã hoàn thành ít nhất 01 học phần TACN, việc khảo sát thực hiện trong thời gian từ tháng 11/2024 đến tháng 02/2025.

Tiêu chuẩn chọn mẫu: SVĐD hoàn thành ít nhất 01 học phần TACN và đồng ý tham gia nghiên cứu sau khi được giải thích lý do thực hiện và lợi ích mong đợi của đề tài.

Tiêu chuẩn loại trừ: Sinh viên được miễn học phần TACN, sinh viên đang trong quá trình tạm hoãn học có quyết định của Hiệu trưởng, sinh viên điền không đầy đủ các nội dung trong phiếu khảo sát.

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu toàn bộ. Tất cả SVDD đủ điều kiện chọn mẫu được đưa vào nghiên cứu. Theo thống kê của Khoa Điều dưỡng-Kỹ thuật Y học, toàn trường có 195 SVDD gồm các khóa từ năm thứ 2 trở đi thỏa điều kiện, nhóm nghiên cứu liên hệ tất cả 3 khóa để mời tham gia nghiên cứu. Kết quả có 168 SVDD tham gia điền phiếu khảo sát, đạt tỷ lệ 86,2%.

Nội dung nghiên cứu:

Nhu cầu học và sử dụng TACN: Nghiên cứu này chọn lọc và sử dụng mô hình do Dudley-Evans và St. John (1998) đề xuất hướng dẫn phân tích nhu cầu TACN⁷. Mô hình này đưa ra 3 tình huống cần được xác định để đánh giá nhu cầu gồm tình huống học tập, tình huống hiện tại và tình huống mục tiêu⁷. Trên cơ sở mô hình này kết hợp bộ câu hỏi của tác giả Lê Hồ Bảo Châu trong nghiên cứu thực trạng và nhu cầu học, sử dụng TACN của sinh viên Y khoa từ năm thứ 3 đến năm thứ 6 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ⁸ và xu hướng đào tạo điều dưỡng trong tương lai, kết hợp tham khảo ý kiến từ 2 chuyên gia là giảng viên ngoại ngữ và giảng viên điều dưỡng nhiều kinh nghiệm, nhóm nghiên cứu đã xây dựng nội dung khảo sát gồm 27 câu hỏi được chia làm 4 phần: (1) nhu cầu học TACN có 8 câu hỏi, (2) mục tiêu và động lực học TACN có 6 câu hỏi, (3) khả năng sử dụng TACN trong môi trường học tập và làm việc có 5 câu hỏi, (4) những trở ngại trong việc học và sử dụng TACN có 8 câu hỏi. Các câu hỏi đều dùng cách tính điểm 5 bậc theo Likert: (1) Hoàn toàn không đồng ý; (2) Không đồng ý; (3) Không ý kiến; (4) Đồng ý; (5) Hoàn toàn đồng ý. Việc xây dựng bộ câu hỏi dựa trên quy trình tham khảo và có điều chỉnh

từ DeVellis (2016)⁹ và Hinkin (1995)¹⁰ bao gồm:

Bước 1: Tham khảo tài liệu và bộ câu hỏi của tác giả trước, xây dựng bộ câu hỏi thô Q₁ gồm 24 nội dung.

Bước 2: Lấy ý kiến 02 chuyên gia về sự phù hợp các nội dung của Q₁ trên đối tượng nghiên cứu.

Bước 3: Trao đổi, thống nhất, hoàn thiện bộ câu hỏi sau khi được xem xét đánh giá độc lập bởi 02 chuyên gia. Ở bước này Q₁ có một số thay đổi nhỏ về từ ngữ và điều chỉnh nội dung số 5 mở rộng thành nội dung 6, 7, 8. Bộ câu hỏi Q₂ hoàn thiện gồm 27 nội dung.

Bước 4: Sử dụng Q₂ phỏng vấn thử trên 5 sinh viên điều dưỡng năm cuối xem xét khả năng hiểu và hiệu chỉnh các thuật ngữ. Tất cả sinh viên đều hiểu rõ, Q₂ được đánh giá là phù hợp.

Bước 5: Phỏng vấn thử trên 30 sinh viên điều dưỡng để đánh giá độ tin cậy, kết quả Cronback alpha cho 4 khía cạnh lần lượt là 0,814; 0,819; 0,898; 0,92 cho thấy bộ câu hỏi có độ tin cậy cao, có thể sử dụng cho đề tài này. Bộ công cụ được sử dụng khảo sát chính thức sau 3 tuần trên các đối tượng, bao gồm 30 sinh viên đã phỏng vấn thử trước đó.

Phương pháp thu thập và xử lý số liệu:

Số liệu thu thập được nhập và phân tích theo chương trình phần mềm Jamovi phiên bản 2.5.3 để mô tả tần suất, tỷ lệ phần trăm, trung bình (TB), độ lệch chuẩn (ĐLC) cho các biến độc lập và biến phụ thuộc.

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của trường Đại học Y dược Cần Thơ số 24.002.SV/PCT-HĐĐĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024.

KẾT QUẢ

Bảng 1. Nhu cầu học tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên điều dưỡng (n = 168)

Nhu cầu học tiếng Anh chuyên ngành	Hoàn toàn không đồng ý n (%)	Không đồng ý n (%)	Không ý kiến n (%)	Đồng ý n (%)	Hoàn toàn đồng ý n (%)	TB ± ĐLC
Sự cần thiết của tiếng Anh chuyên ngành để nâng cao kiến thức và kỹ năng điều dưỡng	1 (0,6)	3 (1,8)	15 (8,9)	96 (57,1)	53 (31,6)	4,17 ± 0,71
Học tiếng Anh để có thể hiểu các tài liệu y khoa quốc tế	0 (0)	0 (0)	19 (11,3)	101 (60,1)	48 (28,6)	4,17 ± 0,61
Học tiếng Anh để tham gia các khóa học hoặc hội thảo quốc tế về điều dưỡng	0 (0)	3 (1,8)	16 (9,5)	105 (62,5)	44 (26,2)	4,13 ± 0,64
Học tiếng Anh để cải thiện kỹ năng giao tiếp phục vụ học tập và công việc tương lai	0 (0)	2 (1,2)	12 (7,1)	85 (50,6)	69 (41,1)	4,32 ± 0,66
Kỳ vọng chương trình đào tạo điều dưỡng sẽ tăng cường thời gian học TACN	0 (0)	3 (1,8)	34 (20,2)	93 (55,4)	38 (22,6)	3,99 ± 0,71
Kỳ vọng chương trình đào tạo điều dưỡng sẽ tăng cường tài liệu dạy-học tiếng Anh chuyên ngành	0 (0)	5 (3,0)	38 (22,6)	82 (48,8)	43 (25,6)	3,97 ± 0,78
Kỳ vọng tăng cường lồng ghép TACN trong các học phần chuyên ngành của điều dưỡng	0 (0)	10 (6,0)	25 (14,9)	97 (57,7)	36 (21,4)	3,95 ± 0,78
Kỳ vọng Nhà trường, Khoa tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa và thành lập câu lạc bộ TACN cho sinh viên điều dưỡng với thời gian sinh hoạt phù hợp.	0 (0)	4 (2,4)	28 (16,7)	102 (60,7)	34 (20,2)	3,99 ± 0,68
Nhu cầu học chung	-	-	-	-	-	4,09 ± 0,49

Đa số SVĐD có mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý (hơn 70%) với sự cần thiết của TACN để nâng cao kiến thức và kỹ năng điều dưỡng, giúp họ hiểu được tài liệu y khoa quốc tế, tham gia các khóa học, hội thảo quốc tế và cải thiện kỹ năng giao tiếp phục vụ học tập và công việc tương lai. Bên cạnh đó cũng hơn 70% sinh viên có kỳ vọng chương trình đào tạo cần tăng cường thời gian học và tài liệu dạy-học TACN, 79,1% sinh viên kỳ vọng tăng

cường lồng ghép TACN trong các học phần, 80,9% sinh viên kỳ vọng Nhà trường và Khoa nên tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa và thành lập câu lạc bộ TACN cho sinh viên điều dưỡng với thời gian sinh hoạt phù hợp. Điểm trung bình nhu cầu học TACN của sinh viên là $4,09 \pm 0,49$ điểm.

Bảng 2. Mục tiêu và động lực học TACN của sinh viên điều dưỡng (n = 168)

Mục tiêu và động lực học tiếng Anh chuyên ngành	Hoàn toàn không đồng ý n (%)	Không đồng ý n (%)	Không ý kiến n (%)	Đồng ý n (%)	Hoàn toàn đồng ý n (%)	TB ± DLC
Năng lực tiếng Anh tốt giúp tham gia các câu lạc bộ, đội nhóm hỗ trợ hoạt động hợp tác quốc tế của Khoa, Trường	0 (0)	3 (1,8)	22 (13,1)	106 (63,1)	37 (22,0)	4,05 ± 0,65
Năng lực tiếng Anh chuyên ngành tốt giúp tham gia các dự án quốc tế trong lĩnh vực điều dưỡng một cách dễ dàng	0 (0)	0 (0)	27 (16,1)	101 (60,1)	40 (23,8)	4,08 ± 0,63
Học tiếng Anh với động lực phát triển sự nghiệp điều dưỡng của bản thân	1 (0,6)	1 (0,6)	35 (20,8)	90 (53,6)	41 (24,4)	4,01 ± 0,73
Có mục tiêu cải thiện tất cả các kỹ năng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) để phục vụ học tập và công việc chuyên môn	0 (0)	1 (0,6)	27 (16,1)	102 (60,7)	38 (22,6)	4,05 ± 0,64
Tiếng Anh là công cụ quan trọng để đạt được các mục tiêu nghề nghiệp	0 (0)	1 (0,6)	31 (18,4)	91 (54,2)	45 (26,8)	4,07 ± 0,69
Năng lực tiếng Anh chuyên ngành tốt giúp có một công việc thu nhập cao sau khi tốt nghiệp	0 (0)	2 (1,2)	25 (14,9)	82 (48,8)	59 (35,1)	4,18 ± 0,72
Mục tiêu và động lực chung	-	-	-	-	-	4,07 ± 0,54

Hơn 70% SVDD có mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý rằng năng lực TACN tốt giúp họ dễ dàng tham gia các câu lạc bộ, đội, nhóm hỗ trợ hoạt động hợp tác quốc tế, dự án quốc tế về điều dưỡng của Khoa, Trường và có thu nhập cao sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, cũng có hơn 70% SVDD đồng ý và hoàn toàn đồng ý về việc học tiếng Anh, cải thiện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và xem tiếng Anh là công cụ giúp đạt được các mục tiêu nghề nghiệp và phát triển nghề nghiệp tương lai. Điểm trung bình mục tiêu và động lực học TACN của SVDD là $4,07 \pm 0,54$ điểm.

Bảng 3. Khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành trong môi trường học tập và làm việc của sinh viên điều dưỡng (n = 168)

Khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành trong môi trường học tập và làm việc	Hoàn toàn không đồng ý n (%)	Không đồng ý n (%)	Không ý kiến n (%)	Đồng ý n (%)	Hoàn toàn đồng ý n (%)	TB ± ĐLC
Tự tin khi đọc và hiểu các tài liệu y khoa bằng tiếng Anh	4 (2,4)	40 (23,8)	72 (42,8)	43 (25,6)	9 (5,4)	3,08 ± 0,90
Tự tin khi giao tiếp với giảng viên, điều dưỡng, sinh viên hoặc bệnh nhân quốc tế bằng tiếng Anh	6 (3,6)	46 (27,4)	73 (43,4)	37 (22,0)	6 (3,6)	2,95 ± 0,88
Có khả năng viết các báo cáo, tài liệu y khoa bằng tiếng Anh một cách hiệu quả	11 (6,5)	58 (34,5)	65 (38,7)	28 (16,7)	6 (3,6)	2,76 ± 0,93
Có khả năng nghe và hiểu các buổi hội thảo hoặc video học tập tiếng Anh về điều dưỡng	8 (4,8)	57 (33,9)	61 (36,3)	37 (22,0)	5 (3,0)	2,85 ± 0,92
Thường xuyên sử dụng tiếng Anh trong các hoạt động học tập	13 (7,7)	52 (31,0)	62 (36,9)	36 (21,4)	5 (3,0)	2,81 ± 0,96
Khả năng sử dụng TACN chung	-	-	-	-	-	2,89 ± 0,82

Điểm trung bình về khả năng sử dụng TACN bao gồm việc tự tin đọc-hiểu tài liệu y khoa; giao tiếp với giảng viên, điều dưỡng, sinh viên hoặc bệnh nhân quốc tế; viết các báo cáo-tài liệu y khoa một cách hiệu quả, nghe-hiểu các buổi hội thảo hoặc video học tập; thường xuyên sử dụng tiếng Anh trong các hoạt động học tập của SVĐD ở mức trung bình với điểm lần lượt là 3,08 ± 0,90; 2,95 ± 0,88; 2,76 ± 0,93; 2,85 ± 0,92 và 2,81 ± 0,96. Điểm trung bình chung khả năng sử dụng TACN của sinh viên 2,89 ± 0,82 điểm. Với thang điểm 5 ở từng nội dung, đa số sinh viên chọn ở mức không đồng ý và không ý kiến.

Bảng 4. Những trở ngại trong việc học và sử dụng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên điều dưỡng (n = 168)

Những trở ngại trong việc học và sử dụng tiếng Anh chuyên ngành	Hoàn toàn không đồng ý n (%)	Không đồng ý n (%)	Không ý kiến n (%)	Đồng ý n (%)	Hoàn toàn đồng ý n (%)	TB ± ĐLC
Khó khăn trong việc đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành	2 (1,2)	9 (5,4)	35 (20,8)	107 (63,7)	15 (8,9)	3,74 ± 0,74
Thiếu tự tin khi giao tiếp tiếng Anh với giảng viên, điều dưỡng, sinh viên hoặc bệnh nhân quốc tế	3 (1,8)	12 (7,2)	38 (22,6)	96 (57,1)	19 (11,3)	3,69 ± 0,83

Những trở ngại trong việc học và sử dụng tiếng Anh chuyên ngành	Hoàn toàn không đồng ý n (%)	Không đồng ý n (%)	Không ý kiến n (%)	Đồng ý n (%)	Hoàn toàn đồng ý n (%)	TB ± ĐLC
Khó khăn trong việc viết các báo cáo hoặc tài liệu y khoa bằng tiếng Anh	1 (0,6)	7 (4,2)	31 (18,4)	106 (63,1)	23 (13,7)	3,85 ± 0,72
Cảm thấy việc nghe và hiểu các buổi hội thảo hoặc video học tập tiếng Anh về điều dưỡng là thách thức lớn	3 (1,8)	8 (4,8)	44 (26,2)	94 (55,9)	19 (11,3)	3,70 ± 0,80
Khó tìm được tài liệu và nguồn học tập phù hợp về tiếng Anh chuyên ngành	5 (3,0)	12 (7,1)	49 (29,2)	87 (51,8)	15 (8,9)	3,57 ± 0,87
Cần sự hỗ trợ từ giảng viên hoặc người hướng dẫn để hiểu và áp dụng tiếng Anh chuyên ngành trong học tập và công việc tương lai	1 (0,6)	4 (2,4)	44 (26,2)	97 (57,7)	22 (13,1)	3,80 ± 0,71
Gặp trở ngại về thời gian để dành cho việc học tiếng Anh chuyên ngành song song với các môn học khác	2 (1,2)	9 (5,4)	37 (22,0)	93 (55,3)	27 (16,1)	3,80 ± 0,82
Có quá ít hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ liên quan đến tiếng Anh chuyên ngành	1 (0,6)	7 (4,2)	67 (39,9)	77 (45,8)	16 (9,5)	3,59 ± 0,74
Trở ngại chung	-	-	-	-	-	3,72 ± 0,59

Có 63,6% SVDD đồng ý rằng họ gặp khó khăn trong việc đọc và hiểu các tài liệu TACN, 51,1% sinh viên đồng ý thiếu tự tin khi giao tiếp với giảng viên, điều dưỡng, sinh viên hoặc bệnh nhân quốc tế, 63,1% sinh viên đồng ý gặp khó khăn khi viết các báo cáo hoặc tài liệu y khoa tiếng Anh, 56% sinh viên đồng ý cảm thấy thách thức khi nghe và hiểu các buổi hội thảo hoặc video học tập tiếng Anh về điều dưỡng, 51,8% sinh viên đồng ý khó tìm được tài liệu và nguồn học tập phù hợp, 57,7% sinh viên đồng ý cần có sự hỗ trợ từ giảng viên hoặc người hướng dẫn, 55,4% sinh viên đồng ý gặp trở ngại về thời gian cho việc học TACN bên cạnh các môn học khác, 45,8% sinh viên đồng ý rằng có quá ít hoạt động ngoại khóa và các câu lạc bộ liên quan đến TACN. Điểm trung bình các vấn đề trên lần lượt là 3,74 ± 0,74; 3,69 ± 0,83; 3,85 ± 0,72; 3,70 ± 0,80; 3,57 ± 0,87; 3,80 ± 0,71; 3,80 ± 0,82 và 3,59 ± 0,74. Điểm trung bình các trở ngại chung ở SVDD là 3,72 ± 0,59 điểm.

BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhu cầu học TACN của SVĐD đạt mức cao với $4,09 \pm 0,49$ điểm. Điều này phản ánh tầm quan trọng của TACN đối với triển vọng nghề nghiệp tương lai trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập và phát triển. Hệ thống dịch vụ chăm sóc sức khỏe đang trở nên đa dạng hơn, cùng với sự gia tăng số lượng bệnh nhân quốc tế sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, đã khiến TACN trở thành kỹ năng thiết yếu đối với điều dưỡng viên. Nghiên cứu của Suramto cũng nhấn mạnh rằng ở cấp độ đại học, TACN là yếu tố quan trọng nhất đối với SVĐD¹¹. Kết quả khảo sát cho thấy hơn 70% SVĐD nhận thức rõ sự cần thiết của TACN, thể hiện qua mức độ đồng ý và hoàn toàn đồng ý về vai trò của nó trong việc nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn. TACN không chỉ giúp sinh viên hiểu tài liệu y khoa quốc tế, tham gia các khóa học, hội thảo quốc tế mà còn cải thiện kỹ năng giao tiếp, phục vụ hiệu quả cho học tập và công việc sau này. Kết quả nghiên cứu của Muhammad Arfan Lodhi và cộng sự ủng hộ cho các phát hiện này với 87,5% sinh viên y khoa khẳng định tiếng Anh quan trọng trong học tập và 85% coi đây là yếu tố cần thiết trong ngành khoa học sức khỏe¹². Việc thành thạo TACN mở ra cơ hội tiếp cận nguồn tài liệu y khoa phong phú, nâng cao khả năng tiếp thu kiến thức chuyên môn và hỗ trợ quá trình học tập hiệu quả hơn. Hơn thế nữa, TACN còn tạo lợi thế nghề nghiệp đáng kể, giúp SVĐD tự tin tham gia các chương trình hợp tác quốc tế, làm việc trong môi trường đa quốc gia và giao tiếp với bệnh nhân nước ngoài. Nhận thức rõ những lợi ích này đã trở thành động lực chính thúc đẩy nhu cầu học tập và rèn luyện TACN trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Thực tế, tỷ lệ sinh viên đánh giá cao vai trò của TACN càng lớn thì kỳ vọng tiếp tục

nâng cao trình độ TACN càng cao⁸. Điều này được minh chứng với hơn 70% sinh viên mong muốn chương trình đào tạo tăng cường thời gian và tài liệu dạy-học TACN; 79,1% kỳ vọng lồng ghép TACN vào các học phần và 80,9% đề xuất Nhà trường cùng Khoa tổ chức thêm hoạt động ngoại khóa, thành lập câu lạc bộ TACN với thời gian sinh hoạt phù hợp. Những con số này cho thấy nhu cầu cấp thiết trong việc cải thiện chất lượng giảng dạy TACN để đáp ứng mong đợi của sinh viên.

Nghiên cứu chỉ ra SVĐD có mục tiêu và động lực học TACN cao, đạt $4,07 \pm 0,54$ điểm. Đây là hai yếu tố tâm lý chủ đạo, thúc đẩy hành vi học tập và quyết định thành công trong việc học TACN¹³. Thiếu chủ động chuẩn bị TACN, sinh viên dễ gặp khó khăn trong tiếp thu kiến thức, giao tiếp với giảng viên, bệnh nhân hoặc sinh viên quốc tế, dẫn đến bỏ lỡ cơ hội học tập và nghề nghiệp. Nhận thức này làm gia tăng nhu cầu học TACN. Hơn 70% SVĐD đồng ý rằng TACN hỗ trợ tham gia hoạt động hợp tác quốc tế, dự án điều dưỡng và cải thiện thu nhập sau khi tốt nghiệp, đồng thời nâng cao kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, giúp đạt mục tiêu nghề nghiệp. Kết quả này nhất quán với nghiên cứu của Nguyễn Đình Như Hà (hơn 70% sinh viên học TACN để tìm việc lương cao tại công ty nước ngoài)¹⁴ và Hoàng Văn Vân (60,1% sinh viên học tiếng Anh để xin việc)¹⁵. Tương tự, Thomas Mayers và cộng sự ghi nhận sinh viên y khoa tại Nhật Bản học TACN để giao tiếp với bệnh nhân quốc tế, trình bày tại hội nghị quốc tế bằng tiếng Anh, đọc tạp chí y khoa và tìm việc tại một quốc gia khác, với điểm trung bình lần lượt là $4,34 \pm 1,2$; $4,72 \pm 1,3$; $4,36 \pm 1,3$ và $3,57 \pm 1,4$ điểm¹⁶. Mục tiêu và động lực càng cao, nhu cầu học TACN càng lớn, tăng sự chủ động và hứng thú. Tuy nhiên, các yếu tố giảm động lực như giáo viên, người học,

điều kiện học tập, ... cần được nhận diện và khắc phục ¹⁷. Việc xây dựng các giải pháp đồng bộ cho những vấn đề này sẽ góp phần thúc đẩy động lực, nâng cao năng lực TACN bền vững.

Khả năng sử dụng TACN của SVĐĐ đạt mức trung bình, với điểm trung bình chung là $2,89 \pm 0,82$ điểm. Cụ thể, tự tin đọc-hiểu tài liệu y khoa ($3,08 \pm 0,90$ điểm), giao tiếp với giảng viên, điều dưỡng, sinh viên hoặc bệnh nhân quốc tế ($2,95 \pm 0,88$ điểm), viết báo cáo-tài liệu y khoa ($2,76 \pm 0,93$ điểm), nghe-hiểu hội thảo hoặc video học tập ($2,85 \pm 0,92$ điểm) và sử dụng thường xuyên trong học tập ($2,81 \pm 0,96$ điểm). Kết quả này cho thấy SVĐĐ nhận thức được tầm quan trọng của TACN nhưng chưa đủ năng lực sử dụng thành thạo. So với nghiên cứu của Muhammad và cộng sự, khi mà sinh viên y khoa đạt điểm trung bình trên 4 ¹², SVĐĐ còn nhiều hạn chế hơn. Để cải thiện vấn đề này, bên cạnh các học phần TACN trong khung chương trình, nhà trường và giảng viên nên tăng cường tích hợp tài liệu tiếng Anh vào giảng dạy các học phần chuyên ngành nhằm nâng cao đọc-hiểu và thuật ngữ chuyên môn, đồng thời tổ chức thực hành giao tiếp, hội thảo viết báo cáo có sử dụng tiếng Anh. Bên cạnh đó, tăng cường các buổi giao lưu ngoại khóa với giảng viên, sinh viên quốc tế trong các chương trình hợp tác, trao đổi sinh viên như đại học Hogent và Artevelde (Bỉ), tổ chức phi chính phủ Medical Education Exchange Teams (MEET), thành lập câu lạc bộ TACN nhằm tạo môi trường và cơ hội sử dụng tiếng Anh cho SVĐĐ. Ngoài ra, sinh viên nên chủ động đăng ký tham gia công tác hỗ trợ đón tiếp các đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc tại Khoa và Trường.

Liên quan đến các trở ngại SVĐĐ gặp trong việc học và sử dụng TACN, nghiên cứu ghi nhận điểm trung bình các trở ngại

là $3,72 \pm 0,59$ điểm. Trong đó, có 63,6% SVĐĐ đồng ý rằng họ gặp khó khăn trong việc đọc và hiểu các tài liệu TACN; 51,1% sinh viên đồng ý thiếu tự tin khi giao tiếp với giảng viên, điều dưỡng, sinh viên hoặc bệnh nhân quốc tế. Bên cạnh đó, 56% sinh viên đồng ý cảm thấy thách thức khi nghe và hiểu các buổi hội thảo hoặc video học tập tiếng Anh về điều dưỡng, 63,1% sinh viên đồng ý gặp khó khăn khi viết các báo cáo hoặc tài liệu y khoa tiếng Anh; 51,8% sinh viên đồng ý khó tìm được tài liệu và nguồn học tập phù hợp, 57,7% sinh viên đồng ý cần có sự hỗ trợ từ giảng viên hoặc người hướng dẫn, 55,4% sinh viên đồng ý gặp trở ngại về thời gian cho việc học TACN bên cạnh các môn học khác, 45,8% sinh viên đồng ý rằng có quá ít hoạt động ngoại khóa và các câu lạc bộ liên quan đến TACN. Điểm trung bình các vấn đề trên lần lượt là $3,74 \pm 0,74$; $3,69 \pm 0,83$; $3,85 \pm 0,72$; $3,70 \pm 0,80$; $3,57 \pm 0,87$; $3,80 \pm 0,71$; $3,80 \pm 0,82$ và $3,59 \pm 0,74$ điểm. Dữ liệu khảo sát cho thấy hai trở ngại lớn nhất sinh viên đều là đọc, hiểu tài liệu TACN và khó khăn khi viết các báo cáo hoặc tài liệu tiếng Anh y khoa. Điều này có thể do vốn từ vựng TACN của mỗi sinh viên cũng như hiểu biết về chuyên ngành của họ. Kết quả tương đồng với Muhammad Arfan Lodhi, khi 71% sinh viên khó giao tiếp và 52,5% yếu kỹ năng nghe ¹². Trong nghiên cứu của tác giả Gabriel Fredi Daar và Ni Luh Sutjiati Beratha, các SVĐĐ cũng cho biết sự thiếu tự tin và thiếu tài liệu hỗ trợ là trở ngại khi học và sử dụng TACN của họ ¹⁸. Có thể thấy, có nhiều yếu tố rào cản ảnh hưởng đến việc học và sử dụng TACN của SVĐĐ. Tuy nhiên, những trở ngại này có thể được cải thiện nếu có can thiệp phù hợp. Nhà trường và Khoa nên tăng cường tổ chức các hoạt động thực hành đọc-hiểu, viết TACN và giao tiếp với sinh viên quốc tế để tăng tự tin và phản xạ ngôn ngữ. Bổ sung

tài liệu TACN trong lĩnh vực điều dưỡng để tiếp cận, khắc phục khó khăn tìm nguồn học. Bên cạnh đó, thành lập câu lạc bộ TACN, đề cử, thu hút giảng viên tham gia thành viên ban cố vấn và hỗ trợ sinh hoạt theo chủ đề, tăng cường giao lưu quốc tế nhằm cung cấp các hoạt động ngoại khóa. Đầu tư phòng học ngoại ngữ với đầy đủ trang thiết bị cần thiết hỗ trợ hoạt động học TACN.

HẠN CHẾ CỦA NGHIÊN CỨU

Đây là nghiên cứu đầu tiên về nhu cầu học và sử dụng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ câu hỏi đã được chuyên gia đồng thuận về nội dung và đánh giá độ tin cậy, tuy nhiên, chưa kiểm định tính giá trị của thang đo. Để hiểu rõ hơn các yếu tố ảnh hưởng, cần bổ sung nghiên cứu định tính, như phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm. Các nghiên cứu trong tương lai nên tiếp tục mở rộng và đào sâu vấn đề này.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy SVDD có nhu cầu, mục tiêu và động lực học TACN ở mức cao, tuy nhiên khả năng sử dụng còn hạn chế và gặp nhiều trở ngại. Điều này nhấn mạnh sự cần thiết cung cấp các giải pháp can thiệp để đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao năng lực sử dụng, đồng thời giảm thiểu khó khăn, giúp SVDD từng bước hội nhập và đáp ứng các yêu cầu nghề nghiệp tương lai.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu gửi lời cảm ơn chân thành đến Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, nơi đã phê duyệt và hỗ trợ một phần kinh phí cho đề tài này. Đồng thời, nhóm xin bày tỏ lòng biết ơn đến giảng viên hướng dẫn đã tận tình định hướng và dẫn dắt nhóm trong suốt quá trình thực hiện nghiên cứu. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu gửi lời cảm ơn

sâu sắc đến các sinh viên điều dưỡng, những người đã tham gia trả lời khảo sát phục vụ nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WHO. Nursing and midwifery. 2024. Available from: https://www.who.int/health-topics/nursing#tab=tab_1.
2. WHO. Nursing and midwifery. 2024. Available from: <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/nursing-and-midwifery>
3. WHO. State of the world's nursing 2020: Investing in education, jobs and leadership. Geneva: World Health Organization; 2020. <https://www.who.int/publications/i/item/9789240003279>
4. Bộ Y tế. Thứ trưởng Bộ Y tế: Điều dưỡng đóng vai trò thiết yếu trong chăm sóc, điều trị và hỗ trợ bệnh nhân [Internet]. 2024 Jun [cited 2025 Feb 28]. Available from: https://moh.gov.vn/tin-noi-bat/-/asset_publisher/3Yst7YhbkA5j/content/thu-truong-bo-y-te-ieu-duong-ong-vai-tro-thiet-yeu-trong-cham-soc-ieu-tri-va-ho-tro-benh-nhan.
5. Yen, P. Y., Kellye, M., Lopetegui, M., et al. Nurses' Time Allocation and Multitasking of Nursing Activities: A Time Motion Study. AMIA Annual Symposium proceedings. AMIA Symposium, 2018, 1137–1146. Available from: <https://pmc.ncbi.nlm.nih.gov/articles/PMC6371290/>
6. Sarah Collins. Explanations in consultations: the combined effectiveness of doctors' and nurses' communication with patients. Med Educ, 2005. 39(8): p. 785-96. DOI: 10.1111/j.1365-2929.2005.02222.x
7. Ken Hyland. Developments in English for specific purposes: a multi-disciplinary approach; Tony Dudley-Evans and Maggie-

Jo St John. Cambridge, Cambridge University Press, 1998, 301 pp. English for Specific Purposes, 2000. 19: p. 297-300. doi:10.1016/S0889-4906(99)00026-5.

8. Lê Hồ Bảo Châu và Lâm Thị Thủy Tiên. Nghiên cứu thực trạng và nhu cầu học, sử dụng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên y khoa từ năm thứ 3 đến năm thứ 6 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Tạp chí Đại học Y Dược Cần Thơ, 2020. 27: p. 85-92. <https://tapchi.ctump.edu.vn/index.php/ctump/article/view/1665>.

9. Robert F. DeVellis. Scale Development Theory and Applications. Fourth Edition. SAGE Publications, Inc. 2017. <https://tms.iau.ir/file/download/page/1635238305-develis-2017.pdf>

10. Canziani, T., English for Nurses Needs Analysis and Syllabus. European Scientific Journal ESJ, 2020: p. 28-43. Retrieved from <https://eujournal.org/index.php/esj/article/view/14090>.

11. Suramto, Susmini, and Episiasi. Nursing students' perception to the necessity of english for specific purposes (esp) course. Jurnal Perspektif Pendidikan, 2021. 15: p. 13-22. doi: 10.31540/jpp.v15i1.1259.

12. Arfan Lodhi Muhammad. English for Doctors: An ESP Approach to Needs Analysis and Course Design for Medical Students. The Canadian Center of Science and Education (CCSE), 2018. vol 8. No 5(1923-869X): p. 205. doi:10.5539/ijel.v8n5p205.

13. Vũ Thị Mai Quế và Hồ Ngọc Trung. Các yếu tố làm giảm động lực học tiếng Anh. Tạp chí khoa học - Trường Đại học Mở Hà Nội, 2020. 73: p. 19-26. <http://thuvienlamdong.org.vn:8002/html/php/view.php>.

14. Nguyễn Đình Như Hà và Trần Quốc Thao. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học tiếng Anh của sinh viên không chuyên. Factors affecting non-English majors' English learning needs. Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, 2019. 15: p. 216-229. doi: 10.46223/HCMCOUJS.soci.vi.15.1.426.2020.

15. Hoàng Văn Vân. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo tiếng Anh không chuyên ở Đại học Quốc gia Hà Nội. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Ngoại ngữ, 2008. 24: p. 22-37. <http://vci.vnu.edu.vn/upload/15022/pdf/57621b2b7f8b9ae2e28b456a.pdf>.

16. Mayers, T., Mathis, B. J., Maki, N., & Maeno, T.. Japanese medical students' English language learning motivation, willingness to communicate, and the impact of the COVID-19 pandemic. International Medical Education. 2023;2(4):283-92. <https://doi.org/10.3390/ime2040027>.

17. Dörnyei, Z.. Motivational Strategies in the Language Classroom. Cambridge: Cambridge University Press. 2001. Doi: <https://doi.org/10.1017/CBO9780511667343>.

18. Gabriel Fredi Daar, Ni Luh Sutjiati Beratha. What Makes Nurse Students Learn English and What Are the Inhibitors? A Case Study at Nursing Department Unika Santu Paulus Ruteng, Indonesia, European Union Digital Library. 2024. <http://dx.doi.org/10.4108/eai.15-12-2023.2345640>.